

QUẢN TRỊ TÍCH HỢP HỆ THỐNG HỖ TRỢ HỌC TẬP TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC MỞ

Bùi Phương Thúy¹

Email: bpthuy@hunre.edu.vn. ORCID: 0009-0005-1225-3552

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/07/2026

Ngày hoàn thành đánh giá: 05/10/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/10/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1496

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm đề xuất và hoàn thiện khung quản trị tích hợp hệ thống hỗ trợ học tập trong giáo dục đại học theo định hướng giáo dục mở. Từ tổng quan lý luận, nghiên cứu xây dựng khung gồm bảy hợp phần quản trị và khảo sát 745 cán bộ quản lý, cố vấn học tập và sinh viên tại năm cơ sở giáo dục đại học công lập ở Hà Nội. Dữ liệu được phân tích bằng kiểm định độ tin cậy, thống kê mô tả, kiểm định sự khác biệt giữa các nhóm và phân tích tương quan. Kết quả cho thấy các thang đo đạt độ tin cậy; phân tích dữ liệu học tập và trí tuệ nhân tạo ($M = 3,83$) cùng nền tảng số ($M = 3,73$) được đánh giá ở mức khá, trong khi quy trình hỗ trợ ($M = 3,16$) và hiệu quả hệ thống ($M = 3,27$) ở mức trung bình. Đánh giá quy trình hỗ trợ khác biệt giữa ba nhóm chủ thể; bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục có tương quan thuận với hiệu quả hệ thống ở cả ba nhóm. Khung được hoàn thiện theo logic tích hợp giữa định hướng, tổ chức và vận hành, dữ liệu và công nghệ, đầu ra, phản hồi và cải tiến, với giáo dục mở là định hướng bao trùm. Nghiên cứu đề xuất ưu tiên chuẩn hóa quy trình, tăng cường quản trị, liên thông dữ liệu và cơ chế phản hồi - cải tiến liên tục.

Từ khóa: Giáo dục mở, hệ thống hỗ trợ học tập, quản trị dữ liệu, quản trị tích hợp, trí tuệ nhân tạo

I. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang thay đổi phương thức tổ chức, quản trị và hỗ trợ người học trong giáo dục đại học (GDĐH), thúc đẩy tích hợp dịch vụ trên nền tảng số và quản trị dựa trên dữ liệu (OECD, 2023; UNESCO, 2021). Đồng thời, xu hướng giáo dục mở đặt ra yêu cầu tăng khả năng tiếp cận, tính

linh hoạt và lấy người học làm trung tâm. Dữ liệu, nền tảng số, phân tích dữ liệu học tập (*Learning Analytics - LA*) và trí tuệ nhân tạo (*Artificial Intelligence - AI*) ngày càng hỗ trợ nhận diện nhu cầu, cá thể hóa học tập và quản trị (Lang và cộng sự, 2017; Siemens, 2013; Zawacki-Richter và cộng sự, 2019).

¹ Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

Tại Việt Nam, các chủ trương về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đổi mới GDĐH đặt ra yêu cầu tăng cường ứng dụng công nghệ, quản trị dựa trên dữ liệu và bảo đảm chất lượng (Bộ Chính trị, 2024; Chính phủ, 2025; Quốc hội, 2025). Điều này đòi hỏi hệ thống hỗ trợ học tập trong các cơ sở GDĐH được tổ chức đồng bộ, linh hoạt và phù hợp với định hướng giáo dục mở.

Hỗ trợ người học bao gồm các chức năng học thuật, kỹ thuật, hành chính và tư vấn, có vai trò đối với sự tham gia, duy trì và kết quả học tập (Simpson, 2012; Tait và Mills, 2003). Khi các hoạt động này được triển khai bởi nhiều đơn vị và nền tảng, yêu cầu đặt ra là phối hợp, chuẩn hóa quy trình, tích hợp dữ liệu và bảo đảm chất lượng trong một cơ chế quản trị thống nhất.

Mặc dù các nghiên cứu về giáo dục mở, hỗ trợ người học, LA và AI đã cung cấp những cơ sở quan trọng (Banihashem và cộng sự, 2022; Miao và Holmes, 2023; Peter và Deimann, 2013; Tait và Mills, 2003), vẫn còn thiếu cách tiếp cận quản trị tích hợp kết nối chính sách, tổ chức và phối hợp, quy trình hỗ trợ, quản trị dữ liệu, nền tảng số, LA và AI, bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục trong một hệ thống thống nhất theo định hướng giáo dục mở.

Từ khoảng trống trên, nghiên cứu đề xuất và hoàn thiện khung quản trị tích hợp hệ thống hỗ trợ học tập trong GDĐH theo định hướng giáo dục mở, dựa trên cơ sở lý luận và khảo sát thực tiễn. Điểm mới là tiếp cận hệ thống thay vì xem xét riêng lẻ các hoạt động hỗ trợ người học.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Cơ sở lý thuyết về quản trị hệ thống hỗ trợ học tập trong giáo dục mở

Giáo dục mở hướng tới mở rộng cơ hội tiếp cận, tăng tính linh hoạt và quyền tự chủ của người học, gắn với học liệu, thực hành giáo dục mở và các điều kiện hỗ trợ học tập (Peter và Deimann, 2013; UNESCO, 2019). Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu này đòi hỏi sự kết hợp giữa chính sách, tổ chức, dữ liệu, công nghệ và bảo đảm chất lượng nhằm hỗ trợ người học trong các môi trường học tập đa dạng (OECD, 2023; UNESCO, 2021).

Hệ thống hỗ trợ học tập bao gồm các chức năng học thuật, kỹ thuật, hành chính và tư vấn, góp phần duy trì sự tham gia và kết quả học tập của người học (Simpson, 2012; Tait và Mills, 2003). Dưới góc độ quản trị, các chức năng này cần được hoạch định, phối hợp, giám sát và cải tiến trong một cơ chế thống nhất, gắn với trách nhiệm giải trình và ra quyết định dựa trên minh chứng (Bush, 2020; Deming, 1986).

Dữ liệu và nền tảng số hỗ trợ kết nối dịch vụ và theo dõi học tập; phân tích dữ liệu học tập (LA) và trí tuệ nhân tạo (AI) mở rộng khả năng phản hồi, cá thể hóa và hỗ trợ ra quyết định, đồng thời đặt ra yêu cầu về quyền riêng tư, minh bạch và trách nhiệm giải trình (Miao và Holmes, 2023; Siemens, 2013; Slade và Prinsloo, 2013).

Trong nghiên cứu này, giáo dục mở được xác định là định hướng xuyên suốt, thể hiện qua khả năng tiếp cận dịch vụ hỗ trợ, tính linh hoạt, hỗ trợ tự học và cá thể hóa. Theo đó, quản trị hệ thống hỗ trợ học tập được hiểu là quá trình hoạch định, tổ chức, điều phối, vận hành, giám sát và cải tiến các hoạt động hỗ trợ thông qua sự

phối hợp giữa chủ thể, quy trình, dữ liệu và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ người học.

2.2. Tổng quan nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu

Các nghiên cứu về giáo dục mở nhấn mạnh cơ hội tiếp cận, quyền tự chủ và thực hành giáo dục mở (Cronin, 2017; Peter và Deimann, 2013; UNESCO, 2019). Trong lĩnh vực hỗ trợ người học, các công trình tập trung vào tổ chức dịch vụ hỗ trợ, duy trì học tập và vai trò của cố vấn học tập (Drake, 2011; Gordon và cộng sự, 2011; Simpson, 2012). Đặc biệt, mô hình năng lực cốt lõi của NACADA: The Global Community for Academic Advising (NACADA, 2017) nhấn mạnh các yêu cầu về nhận thức, thông tin và quan hệ trong hoạt động cố vấn học tập.

Cùng với chuyển đổi số, nghiên cứu về LA tập trung vào khai thác dữ liệu để phản hồi, cảnh báo sớm và cá thể hóa học tập (Banihashem và cộng sự, 2022; Lang và cộng sự, 2017; Siemens, 2013). Tổng quan của Paulsen và Lindsay (2024) nhấn mạnh xu hướng chuyển từ trình bày dữ liệu phân tích sang thiết kế bảng điều khiển phục vụ trực tiếp hoạt động học tập. Các nghiên cứu về AI đồng thời đề cập tiềm năng ứng dụng và yêu cầu quản trị có trách nhiệm (Miao và Holmes, 2023; Zawacki-Richter và cộng sự, 2019).

Tại Việt Nam, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào vai trò, tổ chức hoạt động và phát triển đội ngũ cố vấn học tập (Phạm, 2020; Phạm, 2022; Trần, 2017; Trần, 2012), trong khi cách tiếp cận quản trị tích hợp hệ thống hỗ trợ học tập theo định hướng giáo dục mở còn ít được làm rõ.

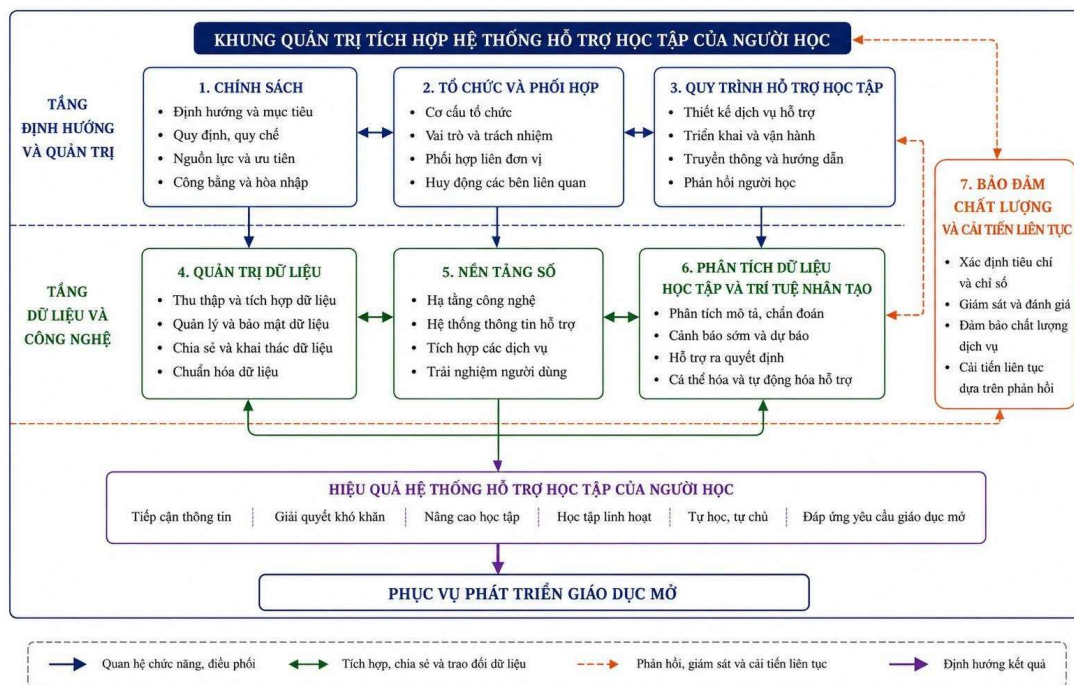
Khoảng trống nghiên cứu là sự thiếu vắng khung quản trị tích hợp kết nối các hợp phần quản trị hệ thống hỗ trợ học tập theo định hướng giáo dục mở và bằng chứng khảo sát về mức độ triển khai trong GDĐH Việt Nam. Đây là cơ sở xây dựng khung phân tích và đối chiếu với thực tiễn.

2.3. Khung phân tích của nghiên cứu

Trên cơ sở lý thuyết về giáo dục mở, hệ thống hỗ trợ học tập và quản trị giáo dục, nghiên cứu tiếp cận hệ thống hỗ trợ học tập theo hướng quản trị tích hợp, kế thừa các nghiên cứu về hỗ trợ người học (Simpson, 2012; Tait và Mills, 2003), quản trị giáo dục (Bush, 2020) và ứng dụng dữ liệu, công nghệ trong giáo dục (Lang và cộng sự, 2017; Miao và Holmes, 2023).

Khung phân tích gồm bảy hợp phần quản trị: (1) chính sách; (2) tổ chức và phối hợp; (3) quy trình hỗ trợ học tập; (4) quản trị dữ liệu; (5) nền tảng số; (6) LA và AI; (7) bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục. Hiệu quả hệ thống hỗ trợ học tập là kết quả của quá trình quản trị, còn giáo dục mở là định hướng bao trùm.

Các hợp phần được liên kết theo logic định hướng - tổ chức và vận hành - dữ liệu và công nghệ - bảo đảm chất lượng và cải tiến. Trong đó, chính sách định hướng; tổ chức, phối hợp và quy trình bảo đảm vận hành; quản trị dữ liệu, nền tảng số, LA và AI hỗ trợ hoạt động dựa trên dữ liệu; bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục thực hiện chức năng giám sát, phản hồi và điều chỉnh (Lang và cộng sự, 2017; Miao và Holmes, 2023; UNESCO, 2019). Trong khung phân tích này, năng lực đội ngũ được xác định là điều kiện hỗ trợ xuyên suốt, không phải hợp phần quản trị độc lập. (Bozkurt, 2023; Cronin, 2017; UNESCO, 2019).



Hình 1. Khung phân tích quản trị tích hợp hệ thống hỗ trợ học tập trong GDDH theo định hướng giáo dục mở

Nguồn: Đề xuất của tác giả trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu liên quan.

Khung phân tích là cơ sở xây dựng công cụ khảo sát, đánh giá thực trạng và đối chiếu kết quả thực tiễn để hoàn thiện khung quản trị tích hợp, không nhằm kiểm định mô hình nhân quả.

III. Phương pháp, vật liệu nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu kết hợp tổng quan tài liệu và khảo sát định lượng qua ba bước: (1) xây dựng khung phân tích và công cụ khảo sát; (2) khảo sát các hợp phần quản trị và hiệu quả hệ thống; (3) đối chiếu kết quả với cơ sở lý luận để hoàn thiện khung quản trị tích hợp.

3.2. Mẫu và thu thập dữ liệu

Khảo sát được thực hiện tại năm cơ sở GDĐH công lập ở Hà Nội: Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Công nghiệp

Hà Nội, Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Mẫu được chọn có chủ đích, kết hợp phân nhóm và phân bổ theo hạn ngạch cho ba nhóm đại diện góc độ quản trị, triển khai và thụ hưởng hệ thống hỗ trợ học tập. Trong 780 bảng hỏi phát ra, 745 bảng hợp lệ (95,5%) được phân tích, gồm 75 cán bộ quản lý (CBQL; 10,1%), 240 CVHT (32,2%) và 430 SV (57,7%). Do phạm vi khảo sát giới hạn ở năm cơ sở công lập tại Hà Nội và mẫu được chọn có chủ đích, kết quả không nhằm đại diện thống kê cho toàn bộ hệ thống GDĐH Việt Nam.

Bảng hỏi được xây dựng từ khung phân tích tại Mục 2.3, gồm bảy nhóm biến tương ứng với bảy hợp phần quản trị và một nhóm đánh giá hiệu quả hệ thống hỗ trợ học tập, sử dụng thang Likert 5

mức từ 1 = Hoàn toàn không đồng ý đến 5 = Hoàn toàn đồng ý. Ba phiên bản dành cho CBQL, CVHT và SV có cùng cấu trúc thang đo, với nội dung được điều chỉnh phù hợp từng nhóm. Công cụ được năm chuyên gia thẩm định và khảo sát thử với 30 người trước khi khảo sát chính thức; việc tham gia được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, ẩn danh và bảo mật.

Định hướng giáo dục mở không được thiết kế thành thang đo độc lập mà được phản ánh qua khả năng tiếp cận thông tin và dịch vụ hỗ trợ, tính linh hoạt, khả năng tự học và cá thể hóa dựa trên dữ liệu - công nghệ. Các thực hành đặc thù như khai thác học liệu mở và thực hành giáo dục mở chưa được đo lường thành cấu trúc riêng.

3.3. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu được xử lý bằng IBM SPSS Statistics 26.0. Độ tin cậy thang đo được đánh giá bằng Cronbach's alpha $\geq 0,70$ và hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh (*Corrected Item-Total Correlation* -

CITC) $\geq 0,30$. Thống kê mô tả sử dụng tần suất, tỷ lệ, giá trị trung bình (*Mean* - *M*) và độ lệch chuẩn (*Standard Deviation* - *SD*). Giá trị *M* được diễn giải theo năm mức: 1,00-1,80: Rất thấp; 1,81-2,60: Thấp; 2,61-3,40: Trung bình; 3,41-4,20: Khá; 4,21-5,00: Rất cao.

Kiểm định Welch ANOVA được sử dụng để so sánh đánh giá giữa ba nhóm CBQL, CVHT và SV; do phần lớn biến không đáp ứng giả định đồng nhất phương sai, hậu kiểm Games-Howell được sử dụng để xác định các cặp khác biệt. Phân tích tương quan Pearson được sử dụng để xem xét mối liên hệ giữa các hợp phần quản trị và hiệu quả hệ thống theo từng nhóm chủ thể. Mức ý nghĩa thống kê được xác định ở $p < 0,05$.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo được trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1. Độ tin cậy của các thang đo.

TT	Thang đo	Số biến	Cronbach's alpha	CITC nhỏ nhất
1	Chính sách	5	0,952	0,852
2	Tổ chức và phối hợp	5	0,898	0,450
3	Quy trình hỗ trợ học tập	5	0,932	0,433
4	Quản trị dữ liệu	5	0,886	0,352
5	Nền tảng số	5	0,739	0,312
6	LA và AI	5	0,931	0,793
7	Bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục	5	0,790	0,404
8	Hiệu quả hệ thống hỗ trợ học tập	6	0,856	0,497

Cronbach's alpha của các thang đo dao động từ 0,739 đến 0,952 và CITC nhỏ nhất từ 0,312 đến 0,852, đều đáp ứng ngưỡng xác định và cho thấy các thang đo đạt độ nhất quán nội tại để sử dụng cho các phân tích tiếp theo.

4.2. Thực trạng quản trị và hiệu quả hệ thống hỗ trợ học tập

Kết quả thống kê mô tả cho thấy mức đánh giá các hợp phần quản trị hệ thống hỗ trợ học tập chưa đồng đều (Bảng 2).

Bảng 2. Mức đánh giá các hợp phần quản trị hệ thống hỗ trợ học tập.

TT	Hợp phần quản trị	M	SD	Thứ hạng
1	Chính sách	3,50	0,92	4
2	Tổ chức và phối hợp	3,57	0,83	3
3	Quy trình hỗ trợ học tập	3,16	1,11	7
4	Quản trị dữ liệu	3,38	0,85	5
5	Nền tảng số	3,73	0,64	2
6	LA và AI	3,83	0,90	1
7	Bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục	3,22	0,64	6

Ghi chú: M và SD được tính trên điểm trung bình của các biến quan sát thuộc từng thang đo.

Trong bảy hợp phần quản trị, LA và AI (M = 3,83) và nền tảng số (M = 3,73) được đánh giá cao nhất, tiếp đến là tổ chức và phối hợp (M = 3,57) và chính sách (M = 3,50), đều ở mức khá. Quản trị dữ liệu (M = 3,38), bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục (M = 3,22) và quy trình hỗ trợ học

tập (M = 3,16) ở mức trung bình; trong đó, quy trình hỗ trợ có mức đánh giá thấp nhất và độ phân tán lớn nhất (SD = 1,11).

Kiểm định Welch ANOVA và hậu kiểm Games-Howell được sử dụng để so sánh đánh giá giữa ba nhóm chủ thể (Bảng 3).

Bảng 3. So sánh đánh giá các hợp phần quản trị và hiệu quả hệ thống theo nhóm đối tượng.

Nội dung	SV M±SD	CVHT M±SD	CBQL M±SD	Welch	p	Games-Howell
Chính sách	3,85±0,70	2,97±1,02	3,15±0,72	86,77	<0,001	SV > CVHT, CBQL
Tổ chức và phối hợp	3,85±0,66	3,13±0,93	3,34±0,65	65,79	<0,001	SV > CVHT, CBQL
Quy trình hỗ trợ	2,51±0,98	4,00±0,45	4,19±0,50	403,61	<0,001	CBQL > CVHT > SV
Quản trị dữ liệu	3,57±0,72	3,11±0,90	3,11±1,09	26,73	<0,001	SV > CVHT, CBQL
Nền tảng số	3,76±0,64	3,70±0,62	3,66±0,71	1,05	0,352	Không khác biệt
LA và AI	3,82±1,00	3,88±0,68	3,77±0,94	0,59	0,555	Không khác biệt
BĐCL và cải tiến	3,37±0,65	3,00±0,49	3,01±0,72	36,80	<0,001	SV > CVHT, CBQL
Hiệu quả hệ thống	3,36±0,80	3,14±0,55	3,19±0,73	8,96	<0,001	SV > CVHT

Kết quả cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở sáu nội dung: chính sách, tổ chức và phối hợp, quy trình hỗ trợ, quản trị dữ liệu, bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục, hiệu quả hệ thống ($p < 0,001$); không có khác biệt ở nền tảng số và LA, AI ($p > 0,05$). Đáng chú ý, SV đánh giá quy trình hỗ trợ thấp hơn (M = 2,51) so với CVHT (M = 4,00) và CBQL (M = 4,19); cả ba cặp khác biệt đều có ý nghĩa thống kê (Games-Howell, $p < 0,05$).

Phân tích tương quan Pearson cho thấy bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục là hợp phần duy nhất có tương quan thuận có ý nghĩa thống kê với hiệu quả hệ thống ở cả ba nhóm (SV: $r = 0,442$;

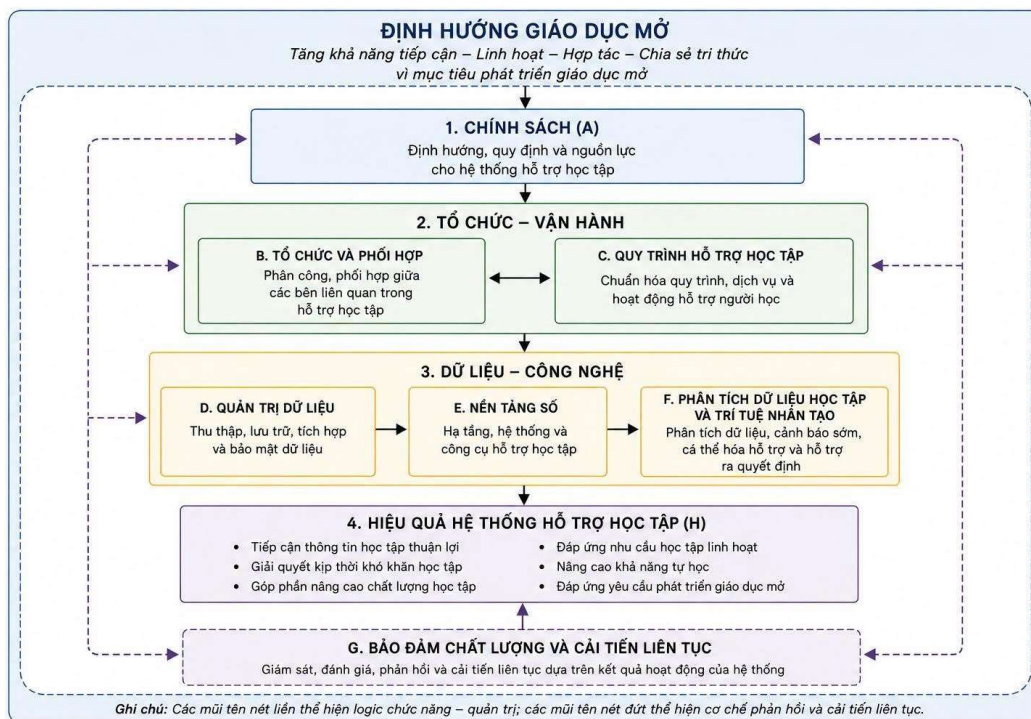
CVHT: $r = 0,502$; CBQL: $r = 0,695$; $p < 0,001$). Các mối liên hệ khác không hoàn toàn đồng nhất giữa các nhóm chủ thể.

4.3. Hoàn thiện khung quản trị tích hợp hệ thống hỗ trợ học tập

Trên cơ sở đối chiếu khung phân tích với kết quả khảo sát, nghiên cứu giữ nguyên bảy hợp phần quản trị, đồng thời làm rõ quan hệ chức năng và cơ chế phản hồi giữa các hợp phần. Đáng chú ý, quy trình hỗ trợ học tập được đánh giá thấp nhất (M = 3,16), với sự khác biệt lớn giữa SV (M = 2,51), CVHT (M = 4,00) và CBQL (M = 4,19), cho thấy khoảng cách giữa góc nhìn thụ hưởng và triển khai, quản trị.

Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu nhấn mạnh yêu cầu kết nối dữ liệu, công nghệ và quản trị (OECD, 2023), sử dụng phân tích dữ liệu học tập để cải thiện phản hồi (Banihashem và cộng sự, 2022) và bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình trong ứng dụng AI (Miao và Holmes, 2023). Đây là cơ sở để hoàn thiện khung theo hướng quản trị tích hợp thay vì phát triển riêng lẻ các công cụ công nghệ.

Khung hoàn thiện được tổ chức theo logic định hướng - tổ chức và vận hành - dữ liệu và công nghệ - đầu ra - phản hồi và cải tiến. Trong đó, giáo dục mở là định hướng bao trùm; hiệu quả hệ thống là đầu ra, không phải hợp phần quản trị độc lập; bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục giữ vai trò kết nối phản hồi và điều chỉnh. Các hợp phần có quan hệ tương hỗ, không hàm ý quan hệ nhân quả tuyến tính.



Hình 2. Khung quản trị tích hợp hệ thống hỗ trợ học tập trong GDDH theo định hướng giáo dục mở

Nguồn: Tác giả đề xuất, 2026.

4.4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu củng cố cách tiếp cận hệ thống trong hỗ trợ người học, nhấn mạnh sự liên kết giữa các chức năng, chủ thể, quy trình và dữ liệu (Simpson, 2012; Tait và Mills, 2003). Theo đó, công nghệ chỉ phát huy giá trị khi được tích hợp trong một hệ thống quản trị đồng bộ, thay vì được triển khai như các công cụ riêng lẻ.

Việc kết nối chính sách, tổ chức, quy trình, dữ liệu và công nghệ phù hợp với quản trị dựa trên minh chứng (Bush, 2020; OECD, 2023). Đồng thời, bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục góp phần duy trì phản hồi, minh bạch và trách nhiệm trong ứng dụng dữ liệu, AI (Miao và Holmes, 2023; Slade và Prinsloo, 2013).

Về lý luận, nghiên cứu kết nối hỗ trợ người học, quản trị giáo dục và công nghệ số trong một khung quản trị tích hợp; phân biệt các hợp phần quản trị với hiệu quả hệ thống như đầu ra và xác định giáo dục mở là định hướng bao trùm. Về thực tiễn, khung cung cấp cấu trúc tham chiếu để các cơ sở GDĐH rà soát mức độ đồng bộ giữa chính sách, tổ chức, quy trình, dữ liệu và công nghệ, qua đó xác định các nội dung cần ưu tiên hoàn thiện.

V. Kết luận

Nghiên cứu đã đề xuất và hoàn thiện khung quản trị tích hợp hệ thống hỗ trợ học tập trong giáo dục đại học theo định hướng giáo dục mở trên cơ sở tổng hợp lý luận và khảo sát 745 cán bộ quản lý, cố vấn học tập và sinh viên tại năm cơ sở giáo dục đại học công lập ở Hà Nội. Kết quả cho thấy các hợp phần quản trị được đánh giá chưa đồng đều; quy trình hỗ trợ học tập có sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm chủ thể, trong khi bảo đảm chất lượng và cải tiến liên tục có tương quan thuận với hiệu quả hệ thống ở cả ba nhóm. Những phát hiện này nhấn mạnh yêu cầu quản trị đồng bộ thay vì chỉ tập trung vào công nghệ.

Về lý luận, nghiên cứu góp phần làm rõ cách tiếp cận quản trị tích hợp, trong đó giáo dục mở là định hướng bao trùm và hiệu quả hệ thống là đầu ra của quá trình quản trị. Về thực tiễn, các cơ sở giáo dục đại học cần ưu tiên chuẩn hóa quy trình hỗ trợ, tăng cường quản trị và liên thông dữ liệu, tích hợp công nghệ với cơ chế bảo đảm chất lượng, phản hồi và cải tiến liên tục.

Nghiên cứu giới hạn ở năm cơ sở giáo dục đại học công lập tại Hà Nội với mẫu chọn có chủ đích; đồng thời chưa đo lường riêng các thực hành đặc thù của

giáo dục mở. Các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng phạm vi khảo sát và tiếp tục kiểm định cấu trúc, mối quan hệ giữa các hợp phần của khung quản trị.

Tài liệu tham khảo

- Banihashem, S. K., Noroozi, O., Van Ginkel, S., Macfadyen, L. P., & Biemans, H. J. A. (2022). A systematic review of the role of learning analytics in enhancing feedback practices in higher education. *Educational Research Review*, 37, Article 100489. <https://doi.org/10.1016/j.edurev.2022.100489>
- Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- Bozkurt, A. (2023). Generative AI, synthetic contents, open educational resources (OER), and open educational practices (OEP): A new front in the openness landscape. *Open Praxis*, 15(3), 178-184. <https://doi.org/10.55982/openpraxis.15.3.579>
- Bush, T. (2020). *Theories of educational leadership and management* (5th ed.). SAGE Publications.
- Chính phủ. (2025). *Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- Cronin, C. (2017). Openness and praxis: Exploring the use of open-educational practices in higher education. *International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 18(5), 15-34. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v18i5.3096>
- Deming, W. E. (1986). *Out of the crisis*. Massachusetts Institute of Technology, Center for Advanced Engineering Study.

- Drake, J. K. (2011). The role of academic advising in student retention and persistence. *About Campus*, 16(3), 8-12. <https://doi.org/10.1002/abc.20062>
- Gordon, V. N., Habley, W. R., & Grites, T. J. (Eds.). (2011). *Academic advising: A comprehensive handbook* (2nd ed.). Jossey-Bass.
- Lang, C., Siemens, G., Wise, A. F., & Gašević, D. (Eds.). (2017). *Handbook of learning analytics*. Society for Learning Analytics Research. <https://doi.org/10.18608/hla17>
- Miao, F., & Holmes, W. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO.
- NACADA: The Global Community for Academic Advising. (2017). *Academic advising core competencies model*. <https://nacada.ksu.edu/Resources/Pillars/CoreCompetencies.aspx>
- OECD. (2023). *OECD digital education outlook 2023: Towards an effective digital education ecosystem*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/c74f03de-en>
- Paulsen, L., & Lindsay, E. (2024). Learning analytics dashboards are increasingly becoming about learning and not just analytics: A systematic review. *Education and Information Technologies*, 29(11), 14279-14308. <https://doi.org/10.1007/s10639-023-12401-4>
- Peter, S., & Deimann, M. (2013). On the role of openness in education: A historical reconstruction. *Open Praxis*, 5(1), 7-14. <https://doi.org/10.5944/openpraxis.5.1.23>
- Phạm, T. L. P. (2020). Mô hình hoạt động cố vấn học tập của trường đại học và các đề xuất cải tiến cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 17(11), 2053-2065.
- Phạm, T. N. L. (2022). *Phát triển đội ngũ cố vấn học tập trường đại học sư phạm kỹ thuật theo tiếp cận năng lực* [Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Vinh].
- Quốc hội. (2025). *Luật Giáo dục đại học, Luật số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025*.
- Siemens, G. (2013). Learning analytics: The emergence of a discipline. *American Behavioral Scientist*, 57(10), 1380-1400. <https://doi.org/10.1177/0002764213498851>
- Simpson, O. (2012). *Supporting students for success in online and distance education* (3rd ed.). Routledge.
- Slade, S., & Prinsloo, P. (2013). Learning analytics: Ethical issues and dilemmas. *American Behavioral Scientist*, 57(10), 1510-1529. <https://doi.org/10.1177/0002764213479366>
- Tait, A., & Mills, R. (Eds.). (2003). *Rethinking learner support in distance education: Change and continuity in an international context*. RoutledgeFalmer.
- Trần, T. H. (2017). Phát triển đội ngũ cố vấn học tập ở Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 14(1), 70-78.
- Trần, T. M. Đ. (2012). *Cố vấn học tập ở trường đại học*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- UNESCO. (2019). *Recommendation on open educational resources (OER)*.
- UNESCO. (2021). *Reimagining our futures together: A new social contract for education*.
- Zawacki-Richter, O., Marín, V. I., Bond, M., & Gouverneur, F. (2019). Systematic review of research on artificial intelligence applications in higher education: Where are the educators? *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 16, Article 39. <https://doi.org/10.1186/s41239-019-0171-0>

INTEGRATED GOVERNANCE OF LEARNING SUPPORT SYSTEMS IN HIGHER EDUCATION ORIENTED TOWARD OPEN EDUCATION

Bui Phuong Thuy¹

Abstract: *This study proposes and refines an integrated governance framework for learning support systems in higher education oriented toward open education. Based on a literature review, the study develops a framework comprising seven governance components and surveys of 745 administrators, academic advisors, and students from five public higher education institutions in Hanoi. The study analysed data using reliability analysis, descriptive statistics, between-group comparisons, and correlation analysis. The results indicate that all scales achieved acceptable reliability. Learning analytics and artificial intelligence ($M = 3.83$) and digital platforms ($M = 3.73$) received relatively high ratings, whereas learning support processes ($M = 3.16$) and system effectiveness ($M = 3.27$) were rated at a moderate level. Ratings of learning support processes differed across the three stakeholder groups, while quality assurance and continuous improvement were positively correlated with system effectiveness across all three groups. The refined framework integrates orientation, organisation and operation, data and technology, outputs, feedback, and improvement, with open education serving as the overarching orientation. The study recommends prioritising the standardisation of learning support processes, strengthening data governance and interoperability, and establishing mechanisms for continuous feedback and improvement.*

Keywords: *Artificial intelligence, data governance, integrated governance, learning support systems, open education*

¹ Hanoi University of Natural Resources and Environment, Hanoi, Vietnam